

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA KỲ VI NĂM 2018
Nghề: Điện tử công nghiệp

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Phương Anh	18/09/1982			x	017182000014	18/10/2013	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
2	Nguyễn Thị Biên	07/08/1979			x	132174476	16/11/2011	CA Phú Thọ
3	Đặng Quốc Chính	25/10/1976		x		012234167	15/04/2007	CA Hà Nội

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
4	Khuông Văn Đức	07/07/1989		x		121980576	05/05/2016	CA Bắc Giang
5	Nguyễn Thị Dung	10/09/1989			x	121801267	01/10/2012	CA Bắc Giang
6	Nguyễn Thị Hà	07/02/1989			x	121854246	29/03/2018	CA Bắc Giang
7	Tạ Trung Hiếu	10/09/1991		x		121959762	23/04/2014	CA Bắc Giang
8	Nguyễn Thị Hương	08/03/1982			x	030182003481	10/10/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
9	Trần Thị Hương	30/10/1980			x	125827840	19/08/2014	CA Bắc Ninh
10	Nguyễn Văn Huy	25/06/1976		x		011910436	08/09/2011	CA Hà Nội
11	Nguyễn Quang Huy	06/10/1983		x		001083001542	16/04/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
12	Lê Thanh Huyền	22/08/1986			x	112040079	04/02/2012	CA Hà Nội
13	Đặng Thị Ngọc Lan	03/02/1980			x	013326004	09/05/2010	CA Hà Nội

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
14	Nguyễn Đăng Lăng	28/04/1976		x		012612339	12/07/2007	CA Hà Nội
15	Vũ Thị Luyến	23/08/1983			x	038183005396	06/01/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
16	Nguyễn Thị Nga	05/04/1981			x	121363128	09/05/2014	CA Bắc Giang
17	Phạm Thị Minh Nguyệt	23/10/1977			x	001177016670	06/02/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
18	Vũ Thị Nhật	11/09/1980			x	034180004671	08/12/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
19	Đỗ Phương Nhung	09/10/1982			x	001182002632	03/07/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
20	Nguyễn Thanh Phương	02/09/1979		x		121342923	16/02/2017	CA Bắc Giang
21	Nguyễn Văn Phương	25/12/1978		x		121205487	23/06/2009	CA Bắc Giang
22	Vũ Anh Sử	15/10/1977		x		121575449	25/02/2013	CA Bắc Giang
23	Lê Thị Kim Thanh	20/06/1981			x	012316678	13/09/2008	CA Hà Nội

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
24	Hoàng Nhật Thanh	21/09/1975		x		011828566	12/12/2012	CA Hà Nội
25	Lại Đức Thanh	25/03/1973		x		011889419	31/12/2008	CA Hà Nội
26	Lương Chí Thiện	16/10/1982		x		001082016944	22/07/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
27	Vũ Thị Thu	10/12/1987			x	121664689	27/03/2018	CA Bắc Giang
28	Nguyễn Mạnh Tuấn	27/07/1981		x		001081003444	28/08/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
29	Phạm Đức Tuấn	25/11/1962		x		011480977	06/06/2008	CA Hà Nội
30	Nguyễn Thị Vân	23/05/1990			x	035190000192	28/09/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư